TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/DSST
Ngày 24/5/2019
V/v "*T/c hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Khắc Việt**

Bà **Phan Thị Trúc Phương**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-DS ngày 02/01/2018 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST – DS ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp 9, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Trúc L**, sinh năm 1994 (*có mặt*).

Anh **Đoàn Thanh T**, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người làm chứng:* Chị **Lê Thị Trúc M**, sinh năm 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:*** Trước đây vào ngày 07/8/2016 chị L có mượn của chị H số tiền là 115.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất một tháng là 1 triệu đồng/ 115 triệu đồng, chị L có ký tên vào biên nhận cho chị H, đến ngày 15/10/2016 chị L không trả lãi và cũng không trả gốc cho chị H nên hai bên thỏa thuận tổng cộng số tiền là 117.000.000 đồng, hẹn qua tết âm lịch chị L sẽ trả tiền cho chị H, khi vay tiền chị L nói với chị H để về mua đất, đến hẹn chị L không trả tiền, chị H có yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L chỉ hẹn lần mà không trả. Chị H xác nhận số nợ này là số nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh Đoàn Thanh T. Phần nội dung trong biên nhận ngày 15/10/2016 là do chị H viết, chữ ký tên L và Lê Thị Trúc L phần cuối biên nhận là chị L viết, do chị L nói không biết viết nên chị H viết phần nội dung và chị L ký tên, ghi họ tên xác nhận vào biên nhận nợ chị H 117.000.000 đồng. ngoài khoản nợ này thì chị L không còn nợ chị H khoản nợ nào khác

Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị L anh T trả cho chị H số tiền là 117.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày viết biên nhận đến nay.

**** Bị đơn chị Lê Thị Trúc L trình bày:*** Qua lời trình bày của chị H về việc chị L có mượn tiền của chị H như trên là không đúng. Trước đây chỉ có một lần khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2015 khi mẹ của chị L là Lê Thị Trúc M vay của chị H số tiền là 10.000.000 đồng thì chị H có nói với chị L là ký vào giấy làm người chứng kiến việc mẹ của chị L vay tiền của chị H, chị L nói chị L không biết chữ, chị H viết họ tên của chị L ra một tờ giấy và chị L nhìn theo viết họ tên vào tờ giấy chị H đưa, khi chị H đọc cho chị L nghe phần nội dung biên nhận là bà M có vay của chị H 10.000.000 đồng chứ không phải là nội dung chị L vay của chị H 117.000.000 đồng. Chữ viết chữ " L" và "Lê Thị Trúc" phần cuối trong biên nhận ngày 15/10/2016 do chị H cung cấp cho Tòa án là do chị L viết, chữ viết trong phần nội dung chị L có vay của chị H 117.000.000 đồng không phải là của chị L. Khi chị L ký tên chứng kiến mẹ chị L có vay của chị H 10.000.000 đồng thì không có ai biết chỉ có chị L, mẹ chị L là bà M và chị H biết.

Tại phiên tòa chị L khẳng định từ trước tới nay không mượn tiền của chị H nên chị L không đồng ý trả tiền cho chị H và chồng chị là anh Đoàn Thanh T cũng không biết không liên quan gì.

**** Bị đơn anh Đoàn Thanh T trình bày:*** Việc chị H kiện vợ tôi là Lê Thị Trúc L có vay tiền của chị Hằng số tiền 117.000.000 đồng là không có. Từ trước tới nay chỉ có một lần khi vợ chồng tôi còn mướn nhà của chị H để ở thì vợ tôi có mượn của chị H 2.000.000 đồng để làm vốn bán bánh mì, mượn không được bao lâu thì do vợ tôi không

góp được nên chị H đòi vợ tôi và tôi có hứa tới cuối tháng lĩnh lương tôi trả nhưng chưa tới tháng thì chị H nhắc hai ba lần, có hai triệu mà chị H còn đòi như vậy thì sao chị H dám cho vợ tôi vay số tiền 117.000.000 đồng. Khi tôi mướn nhà chị H để ở thì chị H vẫn gặp tôi nhưng không thấy chị H nói với tôi về việc vợ tôi có mượn số tiền trên, sau này tôi vẫn gặp chị H nhưng cũng không thấy chị H nói gì. Chị H yêu cầu vợ chồng tôi trả cho chị H số tiền 117.000.000 đồng tôi không đồng ý, tôi khẳng định vợ chồng tôi không mượn số tiền 117.000.000 đồng của chị H.

* ***Người làm chứng chị Lê Thị Trúc M trình bày:*** tôi là mẹ của Lê Thị Trúc L. Tôi khẳng định L không có mượn tiền của cô H. Khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2015 khi tôi vay của chị H số tiền là 10.000.000 đồng do tôi không biết chữ nên cô H có nói với L là ký vào giấy làm người chứng kiến việc tôi vay tiền của cô H, L nói L không viết được nên cô H viết tên L ra một tờ giấy khác và L nhìn vào đó để viết vào biên nhận, khi cô H đọc cho tôi và L nghe là nội dung tôi có vay của cô H 10.000.000 đồng chứ không phải nội dung L vay của cô H số tiền 117.000.000 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 469 Bộ luật dân sự 2015 xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H. Buộc chị Lê Thị Trúc L trả cho chị H số tiền là 117.000.000 đồng. không chấp nhận yêu cầu tính lãi và yêu cầu anh Đoàn Thanh T có trách nhiệm liên đới cùng chị L trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Đoàn Thanh T với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Xét thấy anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H và chị Lê Thị Trúc L là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu chị L trả cho chị H số tiền là 117.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H thay đổi

nội dung yêu cầu khởi kiện, chị H xác định số tiền chị Linh nợ chị là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh T nên chị H có đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/3/2019 yêu cầu anh T có trách nhiệm cùng chị L trả cho chị H trả số tiền 117.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chị L trả số tiền còn thiếu là 117.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị H cho rằng vào ngày 07/8/2016 chị L có ký vào biên nhận nợ có vay của chị H 115.000.000 đồng, đến ngày 15/10/2016 do chị L không trả gốc và không đóng lãi cho chị H nên chị L và chị H tính toán chị L còn nợ chị H số tiền là 117.000.000 đồng và chị L ký tên vào biên nhận có vay của chị H số tiền là 117.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 07/8/2016 do chị H cung cấp phần nội dung không thể hiện chị L vay tiền của ai mà chỉ có nội dung người vay tiền là Lê Thị Trúc L, số tiền vay là 115.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị L không thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 07/8/2016 vay số tiền 115.000.000 đồng và chị H cũng không yêu cầu giải quyết số tiền 115.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/8/2016 với lý do chị H và chị L đã tính toán số tiền nợ và làm thành biên nhận ngày 15/10/2016, nên HĐXX không xem xét đối với số tiền vay 115.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/8/2016.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình về việc yêu cầu chị L trả số tiền là 117.000.000 đồng, chị H đã cung cấp cho Tòa án bản gốc biên nhận mượn tiền ngày 15/10/2016 do chị L viết tên và ghi họ tên vào phần người nhận, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L xác nhận chữ viết "L" và "Lê Thị Trúc L" phần cuối biên nhận ngày 15/10/2016 với nội dung chị L mượn của chị H số tiền 117.000.000 đồng là do chị L viết nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu của chị H cho rằng số nợ chị L nợ chị H là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh T nên chị H yêu cầu chị L và anh T cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " *vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của luật này"*.

Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*.

Anh T chị L không thừa nhận việc có nợ của chị H, trong biên nhận chị H cung cấp chỉ thể hiện việc chị L ký nhận nợ, chị H chỉ nghe chị L nói mượn tiền về để mua đất và việc này không được chị L thừa nhận, hơn nữa trong thời gian chị L vay tiền của chị, chị H cho rằng vẫn gặp anh T nhưng chị H quên không nói về việc chị L có mượn tiền của chị H là không phù hợp với phong tục tập quán của người địa phương và chị H cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc chị L mượn tiền của chị H sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chị L trả lãi trên số tiền vay theo quy định của pháp luật kể từ ngày viết biên nhận nợ.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 " *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*" theo lời khai của chị H cho rằng, khi cho chị L vay tiền thì hai bên thỏa thuận qua tết âm lịnh sẽ trả tiền và thỏa thuận lãi suất là 1triệu /117 triệu/tháng, việc này không được chị L thừa nhận và theo nội dung biên nhận do chị H cung cấp không thể hiện thời hạn vay và lãi suất vay do đó Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Xét lời khai của chị L cho rằng trong biên nhận ngày 15/10/2016 nội dung chị L có mượn của chị H số tiền là 117.000.000 đồng là do chị H viết và khi chị H đọc cho chị L nghe là nội dung bà Lê Thị Trúc M vay của chị H 10.000.000 đồng.

Chị L cho rằng nội dung trong biên nhận do chị H cung cấp cho Tòa án không phải là nội dung chị H đọc cho chị L nghe khi chị L ký tên, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L xác nhận chữ ký trong biên nhận ngày 15/10/2016 là của chị L, chị L cho rằng khi ký tên thì chỉ có chị L, mẹ chị L là Lê Thị Trúc M và chị H biết và chị H không thừa nhận việc chị L có ký tên xác nhận việc bà M mượn chị H 10.000.000 đồng, tuy bà Mcũng cho rằng chị L chỉ ký tên xác nhận việc bà M vay của chị H số tiền là 10.000.000 đồng nhưng do bà M là mẹ của chị L nên việc làm chứng này không đáng tin cậy và chị L cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*" và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định " *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*"

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền là 117.000.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu đồng)* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 117.000.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 117.000.000 đồng x 5% = 5.850.000 đồng (*Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí là 2.925.000 đồng (*Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007725 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị L phải nộp 5.850.000 đồng (*Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H về việc yêu cầu chị Lê Thị Trúc L trả số tiền là 117.000.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H về việc yêu cầu chị Lê Thị Trúc L trả số tiền lãi và không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H về việc yêu cầu anh Đoàn Thanh T cùng có trách nhiệm trả nợ.

3. Buộc chị Lê Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 117.000.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí 2.925.000 đồng (*Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007725 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Lê Thị Trúc L phải nộp 5.850.000 đồng (*Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện H;*
- *Chi cục THA huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái